

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 223/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2020, về việc: “*Ly hôn*”, giữa:

Nguyên đơn: Ông N D S, sinh năm 1958.

Địa chỉ: số X, Đường số Y, Khu phố Z, phường Bình An, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà V T H, sinh năm 1969.

Địa chỉ: số X, Đường số Y, Khu phố Z, phường Bình An, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 6 năm 2020;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông N D S và bà V T H.

Quan hệ hôn nhân giữa ông N D S và bà V T H theo Chứng nhận kết hôn số 144, quyển số 07 do Ủy ban nhân dân phường An Bình, thành phố Biên Hòa,

tỉnh Đồng Nai cấp ngày 02/12/1995 chấm dứt kể từ ngày Quyết định này phát sinh hiệu lực pháp luật.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về con chung: Ông N D S và bà V T H có 03 (Ba) con chung là: N D T L, sinh ngày 07/01/1996, N H G, sinh năm 14/11/1997, đều đã trưởng thành và N H M, sinh ngày 21/9/2006. Ông bà thống nhất giao con chung N H M cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) vào ngày 15 hàng tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chấm dứt theo quy định pháp luật. Bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con chung từ tháng 7 năm 2020.

Các bên thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bà V T H có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông N D S không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định thì hàng tháng ông S còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không vượt quá 20%/năm của khoản tiền tính trên nghĩa vụ cấp dưỡng. Nếu các bên không có thỏa thuận thì lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ nêu trên; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí công nhận thuận tình ly hôn là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng do ông N D S chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông S đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên

lai thu số: AA/2018/0027656 do Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2 lập ngày 09/6/2020. Ông N D S đã nộp đủ án phí. Bà V T H không phải nộp án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 2, TP.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2, TP.HCM;
- UBND phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: VP; Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Thu